

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Nguyễn Việt Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ H, sinh ngày 18/01/1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã T, thành phố Cần Thơ (Trước đây là ấp E, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng).

Số căn cước công dân: 094193001523, cấp ngày 24/04/2021

- Bị đơn: Anh Phan G, sinh ngày 01/01/1991. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã T, thành phố Cần Thơ (Trước đây là ấp E, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng).

Số căn cước công dân: 094091001301, cấp ngày 24/04/2021

Cùng có sự tham gia của hai cháu Phan D, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phan L, sinh ngày 21/9/2017 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/4/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đỗ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan G tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25/3/2013 tại Ủy ban Nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh S (nay là xã T, thành phố C). Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng chị chung sống rất vui vẻ, hạnh phúc,

nhưng thời gian về sau đến tháng 7/2023, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã với nhau, nhưng không ai biết, hiện vợ chồng chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên muốn trả tự do cho nhau. Chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Phan G. Đồng thời xin được vắng mặt khi xét xử.

Về con chung: Chị và anh Phan G có 02 người con chung là cháu Phan D, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phan L, sinh ngày 21/9/2017. Hiện nay các cháu đang sống chung với anh Phan G và Chị yêu cầu anh G nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành là trên 18 tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Phan G trình bày như sau:

Anh và chị Đỗ H được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2013 tại Ủy ban Nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh S (nay là xã T, thành phố C). Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng anh chung sống rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng dần dần cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng anh đã ly thân với nhau. Đến nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng thống nhất ly hôn với chị H. Về con chung thì đúng là anh và chị H có hai con chung là cháu Phan D, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phan L, sinh ngày 21/9/2017. Hiện nay các cháu đang sống chung với anh, anh yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Còn các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

3/ Tại phiên tòa hai cháu Phan D, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phan L, sinh ngày 21/9/2017 trình bày: Hai cháu đều thể hiện ý kiến nguyện vọng muốn sống với cha là anh Phan G sau khi cha mẹ ly hôn với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ H vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan G và chị Đỗ H là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 25/3/2013 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh S (Nay là xã T, thành phố C) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh G và chị H, theo chị H cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, từ tháng 7/2023 đến nay, hiện vợ chồng chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên muốn trả tự do cho nhau nên chị H nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G. Anh G cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị H do vợ chồng cũng đã không còn tình cảm, không thể hàn gắn lại với nhau. Xét thấy,

nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh G và chị H đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, anh G và chị H đã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2023 đến nay không còn liên lạc với nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa anh G và chị H là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh G.

[3] Về con chung: Anh Phan G và chị Đỗ H có hai con chung là cháu Phan D, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phan L, sinh ngày 21/9/2017, theo anh G và chị H đều trình bày hai cháu hiện nay đang được anh G nuôi dưỡng, chị H yêu cầu giao hai con chung cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, anh G thì yêu cầu được nuôi hai con chung, các cháu hiện nay đều đủ 07 tuổi và đều có nguyện vọng muốn sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Giữa anh G và chị H đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho anh G nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu đồng thời không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh G và chị H về việc nuôi con chung, quyết định giao cháu D và cháu L cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho chị Hương không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Đỗ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009851 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực U – C). Anh Phan G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ H được ly hôn với anh Phan G.

2/ Về con chung: Giao cháu Phan D, sinh ngày 24/01/2016 và cháu Phan L, sinh ngày 21/9/2017 cho anh Phan G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. chị Đỗ H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009851 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực U – C). Anh Phan G không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố C;
- Phòng THADS khu vực U – C;
- Các đương sự;
- UBND xã T, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng